

Số: 179/QĐ/TGD-MXVHà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2024**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v: Ban hành mức ký quỹ khi giao dịch liên kỳ hạn mặt hàng Dầu thô
tại Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam**

TỔNG GIÁM ĐỐC SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Nghị định số 158/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa;
- Căn cứ Nghị định số 51/2018/NĐ-CP ngày 9/4/2018 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 158/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa;
- Căn cứ Quyết định số 1369/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 22/5/2020 về việc bổ sung một số mặt hàng thuộc nhóm kinh doanh có điều kiện niêm yết giao dịch trên Sở Giao dịch hàng hóa;
- Căn cứ Quyết định số 1230/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 24/5/2023 về việc gia hạn thời gian thực hiện Quyết định số 1369/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 22/5/2020 về việc bổ sung một số mặt hàng thuộc nhóm kinh doanh có điều kiện niêm yết giao dịch trên Sở Giao dịch hàng hóa;
- Căn cứ Giấy phép thành lập Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam số 4596/GP-BCT do Bộ Công Thương cấp ngày 01/9/2010 và các Giấy phép sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam;
- Căn cứ Quy chế Niêm yết và Giao dịch Hợp đồng Kỳ hạn, Hợp đồng Quyền chọn hàng hóa tại Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam;
- Xét đề nghị của Khối Quản lý Giao dịch,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Ban hành các mức ký quỹ khi thực hiện giao dịch liên kỳ hạn (inter-month), mặt hàng Dầu thô tại Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam (MXV) theo **Phụ Lục I** đính kèm.
- Điều 2.** Các vị thế mở mua hoặc bán độc lập không áp dụng ký quỹ liên kỳ hạn sẽ được tính vào hạn mức áp dụng Khoản hỗ trợ rủi ro thanh toán theo quy định của MXV.
- Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày **28/2/2024** và thay thế Quyết định số: 139/QĐ/TGD-MXV ngày 01/2/2024.
- Điều 4.** Ban Giám đốc, các Đơn vị nghiệp vụ trực thuộc Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam; Thành viên Kinh doanh; Thành viên Môi giới chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: Khối QLGD, HC./.

**Dương Đức Quang**

PHỤ LỤC I
MỨC KÝ QUỸ GIAO DỊCH LIÊN KỶ HẠN (INTER-MONTH) MẶT HÀNG DẦU THÔ
TẠI SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 279 /QĐ/TGD-MXV ngày 27 tháng 04 năm 2024
của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam)

I. Danh sách các mức ký quỹ liên kỳ hạn mặt hàng Dầu thô

1. Dầu thô Brent

STT	Tên hàng hóa	Nhóm hàng hóa	Sở Giao dịch hàng hóa nước ngoài liên thông	Kỳ hạn bắt đầu	Kỳ hạn kết thúc	Mức ký quỹ ban đầu	
1	Dầu thô Brent	Năng lượng	ICE EU	04/2024	05/2024	441	USD
2				04/2024	06/2024	760	USD
3				04/2024	07/2024	1,112	USD
4				04/2024	08/2024	1,112	USD
5				04/2024	09/2024	1,640	USD
6				04/2024	10/2024	1,640	USD
7				04/2024	11/2024	1,882	USD
8				04/2024	12/2024	1,882	USD
9				04/2024	01/2025	2,135	USD
10				04/2024	02/2025	2,135	USD
11				04/2024	03/2025	2,135	USD
12				05/2024	06/2024	320	USD
13				05/2024	07/2024	672	USD
14				05/2024	08/2024	678	USD
15				05/2024	09/2024	1,200	USD
16				05/2024	10/2024	1,200	USD
17				05/2024	11/2024	1,442	USD
18				05/2024	12/2024	1,442	USD
19				05/2024	01/2025	1,695	USD
20				05/2024	02/2025	1,695	USD
21				05/2024	03/2025	1,695	USD
22				06/2024	07/2024	353	USD
23				06/2024	08/2024	403	USD
24				06/2024	09/2024	881	USD
25				06/2024	10/2024	881	USD
26				06/2024	11/2024	1,123	USD

27				06/2024	12/2024	1,123	USD
28				06/2024	01/2025	1,376	USD
29				06/2024	02/2025	1,376	USD
30				06/2024	03/2025	1,376	USD
31				07/2024	08/2024	179	USD
32				07/2024	09/2024	529	USD
33				07/2024	10/2024	529	USD
34				07/2024	11/2024	771	USD
35				07/2024	12/2024	771	USD
36				07/2024	01/2025	1,024	USD
37				07/2024	02/2025	1,024	USD
38				07/2024	03/2025	1,024	USD
39				08/2024	09/2024	529	USD
40				08/2024	10/2024	529	USD
41				08/2024	11/2024	771	USD
42				08/2024	12/2024	771	USD
43				08/2024	01/2025	1,024	USD
44				08/2024	02/2025	1,024	USD
45				08/2024	03/2025	1,024	USD
46				09/2024	10/2024	146	USD
47				09/2024	11/2024	275	USD
48				09/2024	12/2024	372	USD
49				09/2024	01/2025	673	USD
50				09/2024	02/2025	673	USD
51				09/2024	03/2025	673	USD
52				10/2024	11/2024	243	USD
53				10/2024	12/2024	243	USD
54				10/2024	01/2025	496	USD
55				10/2024	02/2025	673	USD
56				10/2024	03/2025	673	USD
57				11/2024	12/2024	113	USD
58				11/2024	01/2025	254	USD
59				11/2024	02/2025	326	USD
60				11/2024	03/2025	413	USD

61				12/2024	01/2025	254	USD
62				12/2024	02/2025	254	USD
63				12/2024	03/2025	296	USD
64				01/2025	02/2025	97	USD
65				01/2025	03/2025	191	USD
66				02/2025	03/2025	99	USD

Ghi chú: Các trường hợp khác theo quy định của Sở Giao dịch hàng hoá ICE EU.

2. Dầu thô WTI

Ký quỹ giao dịch liên kỳ hạn của sản phẩm Dầu thô WTI sẽ được tính toán và áp dụng theo mức ký quỹ quy định bởi Sở Giao dịch hàng hóa NYMEX.

II. Danh sách các mức ký quỹ ban đầu theo kỳ hạn mặt hàng Dầu thô

1. Dầu thô Brent

STT	Tên hàng hóa	Mã hàng hóa	Nhóm hàng hóa	Sở Giao dịch hàng hóa nước ngoài liên thông	Kỳ hạn hợp đồng	Mức ký quỹ ban đầu	
1	Dầu thô Brent	QO	Năng lượng	ICE EU	04/2024	6,457	USD
2					05/2024	6,017	USD
3					06/2024	5,698	USD
4					07/2024	5,346	USD
5					08/2024	5,346	USD
6					09/2024	4,818	USD
7					10/2024	4,818	USD
8					11/2024	4,576	USD
9					12/2024	4,576	USD
10					01/2025	4,323	USD
11					02/2025	4,323	USD
12					03/2025	4,323	USD

Ghi chú: Các trường hợp khác theo quy định của Sở Giao dịch hàng hóa ICE EU.

2. Dầu thô WTI

Ký quỹ ban đầu theo kỳ hạn của sản phẩm Dầu thô WTI sẽ được tính toán và áp dụng theo mức ký quỹ quy định bởi Sở Giao dịch hàng hóa NYMEX.

T.L: 48
 GIAO DỊCH
 NG H
 TN
 0310

III. Mức ký quỹ áp dụng tại MXV

- Mức ký quỹ ban đầu áp dụng tại MXV bằng 120% mức ký quỹ ban đầu tại các Sở Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài có liên thông được công bố trong danh sách trên.
- Mức ký quỹ ban đầu trong danh sách trên sẽ được tính toán theo tỷ giá quy đổi do MXV công bố trong từng thời điểm.

